TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **07**/2026/QĐST-DS	*Thái Nguyên, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2026/TLST-DS ngày 26/03/2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Văn S, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Thôn B (Thôn P cũ), xã N, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Ông Lý Văn T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Thôn B (Thôn P cũ), xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn ông Lý Văn S và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị L: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Xuân D - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chủ tịch UBND xã Nà Phặc, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Ngọc H - Phó Chủ tịch UBND xã N. Địa chỉ trụ sở: Thôn 3,

xã N, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Triệu Thị L, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Thôn B (Thôn P cũ), xã N, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Lý Thị H, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Thôn B (Thôn P cũ), xã N, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Triệu Thị L, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Thôn B (Thôn P cũ), xã N, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Lý Văn H1, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Thôn B (Thôn P cũ), xã N, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Lý Văn C, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Thôn B (Thôn P cũ), xã N, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tổng diện tích đất tranh chấp 1423,7m^2 được các bên đương sự thỏa thuận:

- Ông Lý Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 1.423,7m^2 và sở hữu số cây Mỡ ông Lý Văn T đã trồng trên diện tích đất 1.423,7m^2 tại thửa đất số 1053, tờ bản đồ số 02, diện tích 71.195 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn B, xã Nà P, tỉnh Thái Nguyên) đã được Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Nay là UBND xã N, tỉnh Thái Nguyên) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 682959 ngày 11/12/2009 cho hộ ông Lý Văn S và bà Triệu Thị L.

Diện tích đất ông Lý Văn T được quyền sử dụng theo thoả thuận của các bên được giới hạn bởi các điểm từ điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5, điểm 6, điểm 7, điểm 8, điểm 9, điểm 10, điểm 11, điểm 12, điểm 13, điểm 14, điểm 15, điểm 16, điểm 17, điểm 18, điểm 19, điểm 20, điểm 21, điểm 22, điểm 23, điểm 24, điểm 25, điểm 1 có diện tích 1.423,7m^2 (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Các bên đương sự có quyền liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XV, tỉnh Thái Nguyên để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

2.2. Về chi phí tố tụng (Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc địa chính):

- Ông Lý Văn S nhất trí chịu số tiền 6.172.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng. Xác nhận tổng số tiền chi phí tố tụng là 12.344.000đ (Mười hai triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó phần chi phí tố tụng ông Lý Văn S đã nộp là 6.172.000 đồng và phần chi phí tố tụng ông Lý Văn T phải chịu là 6.172.000 đồng.

- Ông Lý Văn T nhất trí chịu số tiền 6.172.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng và có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lý

Văn S số tiền 6.172.000 đồng (Sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng) là phần chi phí tố tụng ông Lý Văn S đã nộp thay cho ông Lý Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí:

- Ông Lý Văn S thuộc hộ nghèo, là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lý Văn S số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001198 ngày 26/3/2026 của Thi hành dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Ông Lý Văn T là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 8 - Thái Nguyên;
- UBND xã N, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ Q&LI hợp pháp;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Quang Hoà